

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành
Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 3252/SoNNMT-KSTL ngày 26 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh(b/c);
- Chủ tịch; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- Chánh, các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, KTN.

Vinh ktn KH luật DCKS

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hoàng



KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(kèm theo Quyết định số: 1308 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2025 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV, theo đó Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Tuy nhiên các điểm d khoản 1 Điều 6, Điều 72, Điều 73, Điều 74, khoản 1 Điều 109 và điểm b khoản 2 Điều 111 của Luật Địa chất và Khoáng sản có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2025.

Để thực hiện Luật Địa chất và Khoáng sản kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản, bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu lực, hiệu quả.

b) Xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản.

b) Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì trong việc phối hợp các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản, đảm bảo chất lượng, tiến độ hoàn thành công việc.

c) Xác định lộ trình thực hiện cụ thể để bảo đảm từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 (điểm d khoản 1 Điều 6, Điều 72, Điều 73, Điều 74, khoản 1 Điều 109 và điểm b khoản 2 Điều 111 của Luật Địa chất và Khoáng sản có hiệu lực thi hành

kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025) Luật Địa chất và Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật được thực hiện thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh.

d) Thường xuyên, kịp thời kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ, giải quyết vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc triển khai thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản.

Thời gian thực hiện: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG

1. Tham mưu các nội dung Luật Địa chất và Khoáng sản giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện

1.1. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất theo đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận .

- Cơ sở pháp lý: điểm d khoản 2 Điều 14 Luật Địa chất và Khoáng sản
- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Theo đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

1.2. Tổ chức thực hiện đánh giá tiềm năng khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV

- Cơ sở pháp lý: điểm đ khoản 2 Điều 20 Luật Địa chất và Khoáng sản.
- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường .
- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

1.3. Quyết định việc hạn chế hoạt động khoáng sản

- Cơ sở pháp lý: khoản 4 Điều 25 Luật Địa chất và Khoáng sản
- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

1.4. Phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan

- Cơ sở pháp lý: khoản 4 Điều 26 Luật Địa chất và Khoáng sản và điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.
- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

1.5. Quyết định danh mục các khu vực thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

- Cơ sở pháp lý: khoản 3 Điều 49 Luật Địa chất và Khoáng sản và khoản 2 Điều 47 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

1.6. Tổ chức thực hiện việc khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

- Cơ sở pháp lý: khoản 4 Điều 100 Luật Địa chất và Khoáng sản và Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

1.7. Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực đã được phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền cấp giấy phép

- Cơ sở pháp lý: khoản 2 Điều 101 Luật Địa chất và Khoáng sản.
- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

1.8. Rà soát các giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có nội dung không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật này để yêu cầu thực hiện thủ tục cấp lại, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác

- Cơ sở pháp lý: điểm c khoản 2 Điều 111 Luật Địa chất và Khoáng sản.
- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026 và những năm tiếp theo.

1.9. Rà soát trữ lượng, khối lượng khoáng sản còn lại chưa khai thác, thu hồi tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 để phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Cơ sở pháp lý: điểm c khoản 9 Điều 111 Luật Địa chất và Khoáng sản và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

2. Tham mưu các nội dung Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện

2.1. Quyết định việc thu hoặc không thu kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; quyết định việc giao cơ quan quản lý thu, sử dụng kinh phí đóng góp phù hợp với địa bàn có khoáng sản được khai thác

- Cơ sở pháp lý: khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan.

- Cơ quan trình: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thẩm quyền ban hành: Hội đồng nhân dân tỉnh

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

2.2. Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Cơ sở pháp lý: khoản 2 Điều 7 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

2.3. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ

- Cơ sở pháp lý: khoản 2 Điều 16 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan trình: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thẩm quyền ban hành: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

2.4. Thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản, thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, tư vấn kỹ thuật thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định

- Cơ sở pháp lý: Khoản 2 và khoản 3 Điều 43; khoản 2 Điều 54 và khoản 1 Điều 101 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2025.

2.5. Ban hành quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền

- Cơ sở pháp lý: khoản 4 Điều 54 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2025.

2.6. Ban hành quy chế phối hợp trong quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biên tại khu vực giáp ranh địa phận hành chính cấp tỉnh

- Cơ sở pháp lý: Điều 114 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường các Tỉnh có địa bàn giáp ranh.

- Cơ quan ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các Tỉnh có địa bàn giáp ranh

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

2.7. Thu thập, cập nhật, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản tại địa phương, kết nối về hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Cơ sở pháp lý: điểm b khoản 5 Điều 118 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

2.8. Tổ chức, quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản đối với các đề án, dự án, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh tổ chức thực hiện; kết nối hệ thống thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản cấp Tỉnh với hệ thống thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản quốc gia

- Cơ sở pháp lý: điểm b khoản 2 Điều 121 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

2.9. Thành lập Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả (nếu có)

- Cơ sở pháp lý: khoản 2 Điều 127 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.
- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

2.10. Rà soát tham mưu phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, nhóm IV, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Cơ sở pháp lý: khoản 2 Điều 131 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.
- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

2.11. Ban hành kế hoạch kiểm tra đối với lĩnh vực địa chất, khoáng sản trên phạm vi địa bàn quản lý

- Cơ sở pháp lý: khoản 2 Điều 150 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.
- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026 và những năm tiếp theo (tham mưu ban hành trước ngày 31 tháng 12 hàng năm).

2.12. Tham mưu hướng dẫn các sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Luật Địa chất và Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Cơ sở pháp lý: Rà soát theo quy định.
- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2025.

2.13. Tổ chức, yêu cầu, hướng dẫn các Doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện các nội dung quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn

- Rà soát các điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia điều tra địa chất về khoáng sản (Điều 8 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP).

- Lắp đặt, duy trì vận hành, sử dụng thiết bị cân hoặc thiết bị đo đặc để kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác phục vụ công tác thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác (khoản 4 và khoản 5 Điều 59 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP).

- Rà soát tiêu chuẩn Giám đốc điều hành mỏ (Điều 73 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP).

- Rà soát điều kiện hoạt động bến, bãi tập kết cát, sỏi lòng sông, lòng hồ (Điều 116 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP).

- Cơ quan tham mưu: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch này, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch này để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí trong dự toán ngân sách được giao hằng năm theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, tổ chức và đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này theo quy định.

5. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện theo quy định./.